

Bản án số: **87/2021/HC-ST**

Ngày: 30/3/2021

*V/v: Khiếu kiện các Quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Lam
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Hà
Bà Bạch Thị Kim Loan

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Công Hách - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm đã thụ lý số 110/2020/TLST-HC ngày 31/3/2020 về việc khiếu kiện đối với các Quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/QĐXX-HC ngày 17/03/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HC ngày 17/03/2021, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964

Địa chỉ nơi ở: TDP Y 2, phường L, quận B, Tp Hà Nội.

Đại diện ủy quyền: 1. Ông Nguyễn Phan H

Địa chỉ nơi ở: Tổ dân phố T, phường T, quận B, Tp Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị G

Địa chỉ nơi ở: xã C, huyện H, thành phố Hà Nội.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Trụ sở: 79 phố Đ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ – Phó Chủ tịch

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Tp Hà Nội

Trụ sở: Lô C, đường V, phường M, quận B, Tp Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Ngọc H – Chủ tịch

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Lê Quang V** –Trung tâm phát triển quỹ đất quận B.

3. Ủy ban nhân dân quận B, Tp Hà Nội

Trụ sở: Lô C, đường V, phường M, quận B, Tp Hà Nội,

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Ngọc H** – Chủ tịch

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Lê Quang V** –Trung tâm phát triển quỹ đất quận B.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân phường L, quận B, Tp Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đoàn Mạnh H** – Phó Chủ tịch

2. Hợp tác xã Yên Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn C** – Giám đốc

3. Bà **Chu Thị H,**

4. Ông **Nguyễn Thành Đ,**

5. Bà **Nguyễn Thị L,**

6. Bà **Nguyễn Thị B,**

7. Ông **Nguyễn Văn C,**

8. Ông **Nguyễn Văn N**

Cùng nơi ở: TDP Y 2, phường L, quận B, Tp Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, Người khởi kiện trình bày như sau:***

Năm 1981, gia đình ông S được Hợp tác xã Yên Nội giao diện tích đất nông nghiệp (bao gồm đất cây lúa, đất trồng màu khu bãi và khu sống cao) để sản xuất theo mô hình kinh tế hộ (có xác nhận của HTX Yên Nội) với diện tích: **1915 m²**. Năm **2000**, gia đình ông S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1319 m² , bao gồm:

- Thửa đất số 216(1), tờ bản đồ 16, diện tích 229 m²
- Thửa đất số 103, tờ bản đồ 15, diện tích 504 m²
- Thửa đất số 151, tờ bản đồ 15, diện tích 586 m²

Diện tích còn lại 596m² đất nông nghiệp cũng được giao từ năm 1981 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này gia đình ông S sử dụng ổn định từ lúc nhận giao khoán đến nay và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Ngày 11/4/2016, Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định số **1330/QĐ-UBND** thu hồi **70,7m²** đất nông nghiệp thuộc thửa đất 513, tờ bản đồ số 16 của gia đình ông S để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội trên địa bàn phường L. Cùng ngày gia đình ông S nhận được Quyết định số **1401/QĐ-UBND** về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình ông S. Cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất 70,7 m² : **14.253.120 đồng**

- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản : **15.809.148 đồng**

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường là: **30.602.268 đồng**. Số tiền này gia đình ông S đến nay chưa nhận.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ nên ông S đã làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

Ngày 29/7/2016, gia đình ông S nhận được Quyết định số **3067/QĐ-UBND** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông S. Nội dung quyết định này là giữ nguyên Quyết định số **1330/QĐ-UBND** ngày 11/4/2016 và Quyết định số **1401/QĐ-UBND** ngày 11/4/2016 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình ông S.

Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số **3067/QĐ-UBND** ngày 29/7/2016, gia đình ông S đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 05/7/2019, sau gần 3 năm, gia đình ông S mới nhận được Quyết định số **6906/QĐ-UBND** đề ngày 15/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông S. Nội dung quyết định này là đồng ý Quyết định **3067/QĐ-UBND** ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông S.

Không đồng ý với các Quyết định giải quyết khiếu nại, ông S khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

Căn cứ điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo nghị định 01/2017/NĐ-CP; khoản 2 điều 12 quyết định 10/2017 của UBND thành phố Hà Nội, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hủy các Quyết định:

- + Quyết định số **1401/QĐ-UBND** ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết

- + Quyết định số **3067/QĐ-UBND** ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu

- + Quyết định số **6906/QĐ-UBND** ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông S số tiền **93.125.574 đồng** (Chín mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi bốn đồng).

Và như ông S được biết, một số hộ dân ở phường L, phường T, phường Thượng C, phường P bị thu hồi đất để thực hiện dự án có diện tích như gia đình ông S bị thu hồi nhưng không được bồi thường, hỗ trợ nghề. Các hộ dân đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ điều 74, điều 75 Luật đất đai 2013 và điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo nghị định

01/2017/NĐ-CP xử hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

Người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện, Ủy ban nhân dân và chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B giữ nguyên các Quyết định hành chính đã ban hành đối với ông Nguyễn Văn S. Bởi vì :

- Về hồ sơ pháp lý thực hiện dự án:

Ngày 04/5/2007, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1742/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ cho TTPTQĐ GPMB theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch của dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghệ Hà Nội.

Ngày 02/11/2007, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4356/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ cho UBND huyện Từ Liêm (TTPTQĐ huyện Từ Liêm) GPMB theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch của dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 10/12/2007, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4918/QĐ-UBND về việc phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án GPMB tạo quỹ đất để xây dựng Dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 23/4/2008, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1462/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.036.618m² đất tại các xã: T, L, Thụy Phương, M và Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Từ Liêm (thuộc UBND huyện Từ Liêm) để tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch chuẩn bị thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 03/12/2008, UBND thành phố Hà Nội ban hành quyết định số 2385/QĐ-UBND về việc phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang xã M, huyện Từ Liêm để phục vụ GPMB dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Hồ sơ định vị ranh giới thửa đất (phục vụ cho công tác BTHT&TĐC) ngày 23/5/2008 dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 02/12/2014, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đã có Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, danh mục dự án, công trình chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ năm 2015 trên địa bàn Thành phố (trong đó có dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội).

Ngày 29/01/2015, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 443/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 quận B (trong đó có dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội).

- Về quá trình sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn S:

Khu xứ đồng Sóng cao thuộc thôn Yên Nội xã L, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là TDP Yên Nội, phường L, quận B, thành phố Hà Nội). Tại thời điểm giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, khu đất trên thuộc quỹ đất nông nghiệp được đưa vào để giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, Hợp tác xã Yên Nội có 02 đội sử dụng diện tích đất ngoài bãi sông Hồng và 01 đội sử dụng đất trong đồng (Khu sóng cao), các hộ ý kiến nêu cấp sổ đỏ trong khu sóng cao thì phải cấp sổ cho cả khu ngoài bãi sông. Do đó, Hợp tác

xã Yên Nội trước đây đã thống nhất để lại không giao diện tích đất Khu xứ đồng Sông Cao.

UBND xã L trước đây thực hiện việc giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ theo hình thức bình quân nhân khẩu trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất của các hộ sử dụng từ khoán 10, khoán 100 và cân đối diện tích hộ thừa cho hộ thiếu. Nhưng khi triển khai việc giao đất nông nghiệp đã không thực hiện được việc cân đối giữa các hộ sử dụng thừa và thiếu so với phương án cho các hộ gia đình, cá nhân. Dẫn đến hiện nay tại phường L vẫn đang sử dụng tồn tại các hộ dân sử dụng thừa và các hộ dân sử dụng thiếu so với phương án.

Diện tích đất thuộc khu xứ đồng Sông Cao không được thống kê vào hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** tại Phương án giao đất nông nghiệp chi tiết và được xác định là đất nông nghiệp không giao do UBND xã quản lý. Theo phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của UBND xã L (nay là UBND phường L), hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** có 05 nhân khẩu, được giao **1.290m²** đất nông nghiệp, hộ gia đình hiện đang sử dụng **1.915 m²** đất. Trên thực tế hộ gia đình ông S đã được cấp GCN-QSD **1.419 m²** đất nông nghiệp (gồm thửa 216 tờ bản đồ 16, diện tích 329 m²; thửa 103 tờ bản đồ 15, diện tích 504m² và thửa 151 tờ bản đồ 15, diện tích 586 m²), so với hạn mức nhân khẩu trong phương án giao đất thừa **169 m²**.

Hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** không thực hiện việc kê khai đề nghị giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng tại Xứ đồng Sông Cao và cũng không có khiếu nại, ý kiến về việc giao đất của UBND xã L, UBND huyện Từ Liêm trước đây. Do Hội đồng giao đất nông nghiệp xã L không lập phương án giao đất tại khu xứ đồng Sông Cao và hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** không kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND huyện Từ Liêm trước đây không xem xét việc giao đất, cấp GCN QSDĐ cho hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** đang sử dụng đất tại khu vực này. Hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** vẫn sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại Khu Sông cao từ thời điểm khoán 10, khoán 100 đến nay. UBND xã L, UBND huyện Từ Liêm trước đây không thực hiện việc thu hồi đất lại diện tích đất nông nghiệp không giao cho hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** tại khu xứ đồng Sông Cao để quản lý theo quy định và cũng không ký hợp đồng thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất.

Diện tích 70,7m² đất thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16 (Bản đồ đo năm 1994 xã L nay là phường L) do hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** đang sử dụng bị thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không giao do UBND phường L quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/CP).

- Về việc thu hồi đất và lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S**:

Ngày 10/6/2008, Tổ công tác GPMB dự án có Biên bản điều tra, xác minh về đất thu hồi và tài sản trên đất đã ghi nhận: Chủ sử dụng đất là UBND xã L, chủ tài sản

là hộ gia đình ông Nguyễn Văn S đang sử dụng tài sản trên diện tích 183m² đất thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16 (Bản đồ đo vẽ năm 1994 xã L nay là phường L). Trong đó: diện tích 70,7m² đất bị thu hồi tại dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội, diện tích còn lại 112,3m² ngoài chỉ giới thu hồi.

Ngày 24/9/2008, UBND xã L đã có Biên bản rà soát về tài sản gắn liền trên đất đối với gia đình ông Nguyễn Văn S nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội tại thôn Yên Nội, xã L, huyện Từ Liêm;

Ngày 11/10/2008, UBND xã L (nay là UBND phường L) có xác nhận về đất và tài sản gắn liền trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội đối với gia đình ông Nguyễn Văn S với nội dung: Chủ sử dụng đất UBND xã L, chủ sử dụng tài sản trên đất ông Nguyễn Văn S.

Ngày 04/5/2015, UBND phường L đã có xác nhận bổ sung về thời điểm sử dụng diện tích 70,7m² đất thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16 sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Ngày 04/6/2015, UBND phường L đã có xác nhận bổ sung về thời điểm xây dựng công trình trên đất đối với gia đình ông Nguyễn Văn S trước ngày 15/10/1993 và từ sau ngày 01/7/2004 đến trước 01/7/2014. Việc xây dựng công trình vật kiến trúc không hợp pháp, không có văn bản xử lý ngăn chặn.

Ngày 22/6/2015, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã ban hành thông báo số 64/TB-HĐBTHT&TĐC về việc niêm yết công khai lấy ý kiến đối với 74 dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng khu công nghệ cao sinh học, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Văn S.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 1330/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội với nội dung: “Thu hồi 70,7m² đất nông nghiệp không giao do UBND phường L quản lý thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16, bản đồ đo năm 1994 phường L, hiện hộ gia đình ông Nguyễn Văn S, hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Y 2, phường L, quận B đang sử dụng trước ngày 01/7/2004”.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 1401/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn S tại dự án với nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất, cây trồng, vật nuôi và các công trình trên đất.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 30.062.268 đồng (Ba mươi triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi tám đồng), cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: 14.253.120 đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu: 8.937.500 đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ công trình: 6.871.648 đồng (Trong đó: công trình xây dựng trước 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 80% đơn giá, công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 được hỗ trợ bằng 10% đơn giá).

- Về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng:

Ngày 29/4/2016, Ủy ban nhân dân phường L có Biên bản bàn giao Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S.**

Các ngày 21/7/2016, 18/8/2016, Ủy ban nhân dân phường L phối hợp với Chi nhánh phát triển quỹ đất B (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất quận B) đã tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S.** Tuy nhiên, hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** không phối hợp nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

- **Về giải quyết khiếu nại:**

Chủ tịch UBND quận B nhận được đơn của **ông Nguyễn Văn S** về việc khiếu nại Quyết định số **1330/QĐ-UBND** và Quyết định số **1401/QĐ-UBND** ngày 11/4/2016 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S.**

Ngày **30/5/2016**, UBND quận B ban hành Thông báo số 816/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của **ông Nguyễn Văn S.**

Ngày **30/5/2016**, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số **2161/QĐ-UBND** về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Theo phiếu xác nhận bổ sung ngày 04/6/2015 của UBND phường L, hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã L; Do đó, được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, ngày 27/6/2016, UBND phường L có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình với nội dung: *“UBND xã L trước đây (nay là UBND phường L) tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp được xây dựng một số công trình phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp không lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng gồm các công trình: bể phân; giếng khoan; nhà lưới ni lông, khung tre; hàng rào lưới B40; tường rào xây gạch, nhà tạm để dụng cụ sản xuất nông nghiệp và trồng nom tài sản”*. Như vậy, các công trình xây dựng của hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường L song đã được UBND phường L tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý; Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng.

Ngày **21/7/2016**, Thanh tra Quận đã có Báo cáo số **288/BC-TTr** về việc báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của **ông Nguyễn Văn S.**

Ngày 29/7/2016, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3067/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S (lần đầu).

Theo đó, Chủ tịch UBND quận B giải quyết khiếu nại theo hướng:

“- Giữ nguyên Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 và Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn S khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L, quận B.

- Giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Quận xem xét trình UBND Quận phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn S theo hướng: Bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.”

Ủy ban nhân dân quận B chưa ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân theo các Quyết định của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) do các hộ gia đình, cá nhân không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) của UBND quận B, tiếp tục có đơn khiếu nại (lần 2) gửi UBND thành phố Hà Nội và khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Đến nay do vụ việc đang trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết nên sau khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án và được UBND thành phố Hà Nội gia hạn thời gian giải phóng mặt bằng, bố trí nguồn vốn của dự án, UBND quận B sẽ tiến hành giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án thực hiện điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của Pháp luật.

Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B giữ nguyên các quyết định hành chính và các văn bản hành chính đã ban hành đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn S khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L, quận B.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình bày:

Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội khẳng định nội dung Quyết định số 6906/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại là đúng quy định pháp luật. Đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội không có ý kiến khác gì với quan điểm đã thể hiện tại Quyết định số 6906/QĐ-UBND ngày 15/12/2016.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường L trình bày: Nhất trí với các nội dung trình bày của UBND quận B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị Hoa, ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn N thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của ông S sau khi trình bày tranh luận đã đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện để đảm bảo quyền và lợi ích theo đúng quy định

pháp luật cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn S.

5. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa: Hoạt động thụ lý và tiến hành tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng quy định; đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, Luật Đất đai năm 2013, Luật Khiếu nại và các văn bản pháp luật có liên quan:

- Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S
- Về án phí HCST: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng:

Đối tượng khởi kiện là các Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Quyết định số 6906/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai đều là các quyết định hành chính được ban hành trong quá trình thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 15/11/2019 ông Nguyễn Văn S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy Quyết định số 6906/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai và sau đó ông Nguyễn Văn S tiếp tục bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu. Theo ông S trình bày mặc dù ông nộp đơn khiếu nại lần 2 từ năm 2016 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại cùng ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 6906/QĐ-UBND từ ngày 15/12/2016, nhưng gia đình ông không nhận được Quyết định này. Ngày 22/7/2019, gia đình ông mới được giao nhận được Quyết định và ngày 15/11/2019 ông mới thực hiện được việc nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Ông S có xuất trình Biên bản bàn giao quyết định của Ban tiếp công dân thành phố Hà Nội ngày 22/7/2019 cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cung cấp tài liệu chứng cứ về việc bàn giao Quyết định số 6906/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 cho ông Nguyễn Văn S nhưng không được cung cấp. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định

ngày ông Nguyễn Văn S nhận được Quyết định số 6906/QĐ-UBND là ngày 22/7/2019 để tính thời hiệu khởi kiện và căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của ông S còn đảm bảo về thời hiệu.

Khi xét tính hợp pháp của các Quyết định bị khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét cả tính hợp pháp của Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn S để thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội; Chủ tịch và UBND quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa, Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội; Chủ tịch và UBND quận B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường L, Hợp tác xã Yên Nội, bà Chu Thị Hoa, ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn N đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 156 và khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Ủy ban nhân dân Quận B ban hành các Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn S để thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội và Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6906/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của ông Nguyễn Văn S là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại.

[2.2] Về các nội dung của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Diện tích 70,7 m² (gồm: Thửa số 513 tờ bản đồ số 16, lập năm 1994) hộ gia đình ông Nguyễn Văn S sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội có nguồn gốc là đất nông nghiệp, hộ gia đình ông Nguyễn Văn S sử dụng từ khoán 100, khoán 10, nhưng không nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình ông S.

Theo phương án chi tiết giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP

cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn S lưu tại UBND phường L thể hiện: số nhân khẩu được giao: 5 khẩu, diện tích được giao: 1.290m² (bình quân 258m²/khẩu) và đã được UBND huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Trên thực tế, ngoài diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64/CP nêu trên, hộ gia đình ông S còn sử dụng 534m² đất nông nghiệp (gồm 258 m² thuộc thửa 586 tờ bản đồ 16 và 276 m² thuộc thửa 595 tờ bản đồ 16) từ trước thời điểm thực hiện giao đất theo Nghị định số 64/CP để sản xuất nông nghiệp cho đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án. Chính quyền địa phương không thực hiện bất kỳ biện pháp gì để thu hồi đất lại diện tích đất để quản lý theo quy định và cũng không ký hợp đồng cho thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất.

Đối với diện tích 70,7m² hộ gia đình ông Nguyễn Văn S đang sử dụng bị thu hồi tại dự án xây dựng Khu công nghệ cao sinh học trên địa bàn phường L là đất nông nghiệp không giao do UBND phường L quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/NĐ-CP); Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành Quyết định số 1330/QĐ-UBND về việc thu hồi 70,7m² đất nông nghiệp không giao do UBND phường L quản lý, hiện hộ gia đình ông Nguyễn Văn S đang sử dụng là đúng quy định.

Tại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn S đã tính bồi thường về đất theo giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013, không được tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì vậy, ông Nguyễn Văn S đề nghị được bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp đối với phần diện tích 70,7 m² đất nông nghiệp hộ gia đình đang sử dụng là không có cơ sở.

Theo phiếu xác nhận bổ sung ngày 04/6/2015 của UBND phường L, hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã L; Do đó, được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, ngày 27/6/2016, UBND phường L có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình với nội dung: *“UBND xã L trước đây (nay là UBND phường L) tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp được xây dựng một số công trình phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp không lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng gồm các công trình: bể phân; giếng khoan; nhà lưới ni lông, khung tre; hàng rào lưới B40; tường rào xây gạch, nhà tạm để dụng cụ sản xuất nông nghiệp và trông nom tài sản”*. Như vậy, các công trình xây dựng của hộ gia đình **ông Nguyễn Văn S** phục vụ sản

xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường L song đã được UBND phường L tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý; Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng. Và tại Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đã quyết định bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn S.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định diện tích 70,7m² đất do hộ gia đình ông Nguyễn Văn S đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không được giao theo Nghị định 64/CP; Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành Quyết định số 1380/QĐ-UBND về việc thu hồi 70,7 m² đất nông nghiệp và Quyết định số 1401/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn S đã bồi thường 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6906/QĐ-UBND là ngày 22/7/2019 về giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Văn S là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, ông Nguyễn Văn S trình bày một số hộ dân ở phường L, phường T bị thu hồi đất để thực hiện dự án có diện tích như gia đình ông bị thu hồi nhưng không được bồi thường, hỗ trợ nghề và tìm kiếm việc làm. Các hộ dân đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ điều 74, điều 75 Luật đất đai 2013 và điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai xử hủy quyết định và chấp nhận phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp và Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên các bản án này Tòa án nhân dân cấp cao đã xử Giám đốc thẩm và quyết định hủy toàn bộ các Bản án sơ thẩm nói trên để xét xử lại theo thẩm quyền. Mặt khác, tại thời điểm hộ gia đình ông S bị thu hồi đất là vào năm 2016 khi đó Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 chưa có hiệu lực pháp luật (có hiệu lực từ ngày 03/3/2017). Tại Điều 5 của Nghị định có quy định về Điều khoản chuyển tiếp như sau: *“Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này”*. Như vậy, trường hợp của hộ gia đình ông S không được áp dụng các quy định của Nghị

định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp.

Do các Quyết định nói trên đều đúng pháp luật và đã đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn S nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông S về việc buộc UBND quận B ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông S số tiền **93.125.574 đồng**.

Từ phân tích, nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy có không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S. Do vậy, căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính xử bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Luận cứ và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 1,3 Điều 9; khoản 1, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm, ông Nguyễn Văn S phải chịu **300.000 đồng** tiền án phí được trừ vào khoản tiền đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0020031 ngày 10/3/2020).

4/ Ông Nguyễn Văn S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B, Ủy ban nhân dân phường L, Hợp tác xã Y, bà Chu Thị H, ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn Nướng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án .

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/ VPTA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Lam